

KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH PHÒNG NGỪA COVID - 19 CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG KHI THỰC HÀNH LÂM SÀNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2022

Phạm Thành Đồng*, Phạm Minh Hằng*, Phạm Ngọc Bằng**, Đỗ Quang Tuyển*

Nhận bài: 03/08/2022; Nhận kết quả bình duyệt: 12/12/2023; Chấp nhận đăng: 15/01/2023

©2023 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Mục tiêu nghiên cứu: 1) Mô tả kiến thức, thực hành phòng ngừa COVID - 19 của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Thăng Long khi thực hành lâm sàng tại bệnh viện năm 2022. 2) Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng ngừa COVID - 19 của đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu thực hiện trên 106 sinh viên Điều dưỡng – Trường Đại học Thăng Long thực hành lâm sàng tại bệnh viện trong giai đoạn từ tháng 1/2022 đến tháng 5/2022. Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang, thông tin được thu thập qua bộ câu hỏi tự điền do nhóm nghiên cứu xây dựng.

Kết quả: tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt và thực hành đạt về phòng chống COVID - 19 lần lượt là 43% và 62%. Nhóm sinh viên nam có kiến thức về phòng, chống dịch không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên nữ ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên ở gia đình đã có người mắc COVID - 19 có kiến thức và thực hành không đạt cao hơn so nhóm với sinh viên ở gia đình chưa có người mắc ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên năm thứ tư có tỷ lệ thực hành không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên năm thứ ba ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên đã tham gia hỗ trợ chống dịch có kiến thức đạt và thực hành đạt cao hơn so với nhóm sinh viên chưa tham gia ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên sống gần nhà có người mắc COVID-19 có tỷ lệ thực hành đạt cao hơn so với nhóm sinh viên có yếu tố dịch tễ này ($p < 0,05$).

Kết luận: Tỷ lệ kiến thức đạt và thực hành đạt về phòng ngừa dịch bệnh COVID-19 của sinh viên khi thực hành lâm sàng tại bệnh viện trong đại dịch COVID-19 còn tương đối thấp. Có mối liên quan giữa kiến thức, thực hành về COVID-19 với giới tính, tình trạng nhiễm của gia đình, tình trạng hỗ trợ chống dịch, yếu tố dịch tễ học và năm học.

Từ khóa: COVID-19; kiến thức; thực hành; thực hành lâm sàng

1. Đặt vấn đề

COVID - 19 là bệnh truyền nhiễm cấp tính thuộc nhóm A do vi rút SARS - CoV-2 gây ra [1]. Bệnh được lây truyền

chủ yếu từ người sang người qua đường hô hấp [5]. Tính đến tháng 3/2022 đã có 230 quốc gia và vùng lãnh thổ ghi nhận ca nhiễm COVID - 19; số người mắc COVID - 19 là hơn 321 triệu

* Trường Đại học Thăng Long

** Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y Tế

người, đã hồi phục hơn 263 triệu trường hợp và hơn 5,5 triệu người tử vong. Đại dịch COVID - 19 đã và đang ảnh hưởng toàn diện, nghiêm trọng, tác động tiêu cực về mọi mặt đến hầu hết các quốc gia trên thế giới. Chính vì vậy, việc chủ động phòng và chống đại dịch này là vô cùng quan trọng. Tại Việt Nam, tính đến thời điểm hiện tại, Bộ Y tế đã công bố hơn 10 triệu người mắc COVID-19, trong đó có hàng nghìn ca tử vong. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch diễn biến phức tạp, sinh viên Điều dưỡng – Đại học Thăng Long vẫn tiếp tục học tập tại các bệnh viện lớn trên địa bàn Hà Nội. Các cơ sở điều trị này vừa được coi là tuyến đầu, vừa là nơi SARS-CoV -2 dễ lây lan nhất. Vì vậy, để bảo vệ bản thân cũng như mọi người xung quanh trước đại dịch, sinh viên cần trang bị kiến thức, thực hành về phòng ngừa dịch bệnh COVID - 19 thật tốt khi thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Xuất phát từ yêu cầu đó, chúng tôi thực hiện đề tài này với mục tiêu: 1) *Đánh giá kiến thức, thực hành về phòng ngừa COVID - 19 của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Thăng Long khi đi học lâm sàng tại bệnh viện trong thời gian năm 2022;* 2) *Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng ngừa COVID - 19 của đối tượng nghiên cứu.*

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 đang học lâm sàng tại bệnh viện trong năm học 2021-2022.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 tại khoa/phòng nơi sinh viên đang thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang

2.4. Cơ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ 106 sinh viên khóa 31 và khóa 32 thực hành lâm sàng tại bệnh viện từ tháng 1/2022 đến tháng 2/2022; Phương pháp chọn mẫu thuận tiện

2.5. Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu

Bộ câu hỏi thu thập được xây dựng với các câu hỏi về kiến thức và phòng ngừa Covid phù hợp với chủ đề nghiên cứu, có tham khảo bộ công cụ của tác giả Vũ Thị Ánh và cộng sự (2020) [2]. Bộ câu hỏi đã được chúng tôi thử nghiệm, tính giá trị và chất lượng, bảo đảm đạt chỉ số Cronbach Alpha là 0,79.

2.6. Biến số nghiên cứu

– Nhóm biến số về kiến thức: bao gồm triệu chứng, các bước cần làm để tự bảo vệ bản thân, thời gian ủ bệnh, phòng ngừa bảo vệ từ những bệnh nhân có khả năng nhiễm bệnh, yếu tố xác định F0, triệu chứng hậu COVID - 19, biện

pháp điều trị, xử lý phát hiện F0 tại cơ sở khám, chữa bệnh, đường lây của SARS-CoV-2, các loại vaccine cấp phép tại Việt Nam, biến thể của SARS-CoV-2, thời gian cách ly trường hợp nghi ngờ nhiễm.

– Nhóm biến số thực hành: thực hành chung về phòng ngừa Covid, thực hành về phân loại rác thải khi tiếp xúc với ca nghi ngờ F0, mức độ thực hành về các biện pháp chống dịch COVID - 19.

2.7. Tiêu chuẩn đánh giá

– Đánh giá kiến thức: Mỗi đáp án đúng cho từng câu hỏi được 1 điểm (những câu hỏi quan trọng có trọng số điểm cao). Tổng điểm cao nhất là 20 điểm; ≥ 13 điểm được coi là kiến thức đạt; < 13 điểm được coi là kiến thức không đạt.

– Đánh giá mức độ thực hành các biện pháp phòng chống COVID - 19: Mỗi câu hỏi được 1 điểm. Các câu hỏi thực hành đeo kính chắn giọt bắn; rửa tay sát khuẩn; tụ tập nói chuyện với bạn và cập nhật thông tin về COVID - 19 là 2 điểm. Tổng điểm cao nhất là 19 điểm; ≥ 12 điểm được coi là thực hành đạt, < 12 điểm được coi là thực hành không đạt.

2.8. Xử lý số liệu

Số liệu được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0 sử dụng thống kê mô tả để xác định số lượng, tỷ lệ % của các thông tin nhân khẩu học, tình hình kinh tế, tình trạng sử dụng phần mềm và tiêm vắc xin phòng ngừa COVID - 19,...Sử dụng kiểm định chi bình phương để xác định mối liên quan giữa kiến thức, thực hành phòng ngừa COVID - 19 và một số yếu tố liên quan thông qua tỷ suất chênh OR, khoảng tin cậy 95% CI. Giá trị $p < 0,05$ được xem xét để đánh giá mối liên quan có ý nghĩa thống kê.

2.9. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đã xin phép và được thông qua Hội đồng Khoa học trường Đại học Thăng Long.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đối tượng tham gia chủ yếu là sinh viên nữ (82,1%) và nam (17,9%). Đa phần sinh viên đã tiêm 3 mũi vaccine phòng COVID-19, chỉ có 2 sinh viên - chiếm 1,9%, mới tiêm 1 mũi vắc xin. Phần lớn sinh viên đều được thầy, cô nhắc nhở về phòng ngừa COVID - 19 trước khi đi học lâm sàng (98,1%). Bên cạnh đó, sinh viên tham gia các buổi tập huấn từ các tổ chức, các buổi hội thảo để nâng cao thêm kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa dịch COVID - 19 chiếm 71,7%. Ngoài ra, đa số sinh viên đều có ý thức cập nhật kiến thức, kỹ năng phòng ngừa COVID-19 (96,2%) qua một số nguồn như: Internet, mạng xã hội (95,3%); thầy cô/nhân viên y tế (82,1%); báo chí, truyền hình (72,6%). Có 66,0% sinh viên đã từng cách ly (tập trung hoặc tại nhà) với tỉ lệ nhiễm SARS-CoV-2 là 64,2%. Có 35,8% sinh viên chưa nhiễm COVID - 19. Có đến 34,0% sinh viên nhiễm COVID - 19 ngoài cộng đồng không xác định rõ nguồn lây, trong khi tỷ lệ có xác định rõ nguồn lây ngoài cộng đồng là 17,9%; khi thực hành tại bệnh viện là 9,4%; số khác chiếm 5,7%.

3.1. Kiến thức, thực hành về phòng ngừa COVID-19 của sinh viên Điều dưỡng

Nhận xét: Kết quả bảng 3.1 ở bên cho thấy kiến thức đúng về phòng ngừa COVID - 19 của đối tượng nghiên cứu khá cao, trong đó: tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về triệu chứng liên quan đến COVID - 19 là 99,1%; kiến thức đúng về

qui tắc 5K phòng ngừa COVID - 19 là 97,2%; kiến thức đúng về các bước cần làm để tự bảo vệ bản thân là 96,2%; kiến thức đúng về phát hiện, xử lý F0 tại cơ sở khám, chữa bệnh là 67,9%. Ngoài ra, số sinh viên có kiến thức đúng về thời gian cách ly trường hợp nghi ngờ nhiễm chiếm tỷ lệ thấp nhất (38,7%).

Bảng 3.1. Đánh giá kiến thức chung về COVID - 19 của sinh viên (n =106)

Kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiến thức biết đúng về triệu chứng liên quan đến COVID -19	105	99,1
Kiến thức đúng về 5K phòng ngừa COVID - 19	103	97,2
Kiến thức đúng về các bước cần làm để tự bảo vệ bản thân	102	96,2
Kiến thức đúng về phòng ngừa bảo vệ từ những bệnh nhân có khả năng nhiễm bệnh	99	93,4
Kiến thức đúng về thời gian ủ bệnh	100	94,3
Kiến thức đúng về các yếu tố xác định F0	96	90,6
Kiến thức đúng về triệu chứng hậu COVID - 19	93	87,7
Kiến thức đúng về phương án điều trị	89	84,0
Kiến thức đúng về COVID - 19	82	77,4
Kiến thức đúng về phát hiện, xử lý F0 tại cơ sở khám, chữa bệnh	72	67,9
Kiến thức đúng về đường lây của SARS-CoV-2	71	67,0
Kiến thức đúng về các loại vaccine cấp phép tại Việt Nam	64	60,4
Kiến thức đúng về những biến thể của SARS-CoV-2	63	59,4
Kiến thức đúng về 6 bước rửa tay khi thực hành tại bệnh viện	44	41,5
Kiến thức đúng về thời gian cách ly trường hợp nghi ngờ nhiễm	41	38,7

Nhận xét: Kết quả bảng 3.2 ở trang bên cho thấy 100% sinh viên thực hành rửa tay theo khuyến cáo Bộ Y tế. Phần lớn sinh viên (95,3%) đều cập nhật thông tin thường xuyên hoặc khai báo y

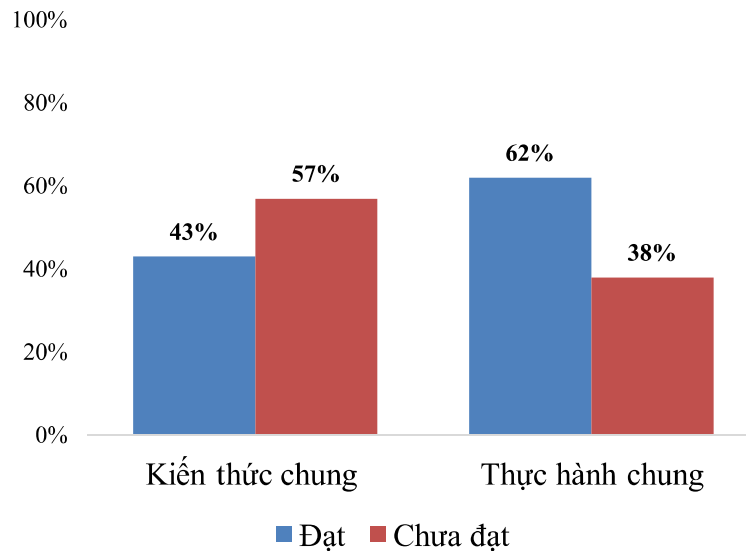
tế hàng ngày theo qui định bệnh viện (89,6%). Thực hành đúng dinh dưỡng và nâng cao thể trạng 85,6%. Bên cạnh đó, có 76,4% xử lý đúng khi tiếp xúc gần F0/nghi ngờ F0, đồng thời phân loại

đúng rác thải là 64,2%. Thực hành đeo kính chống giọt bắn và thực hiện đúng các thời điểm sát khuẩn tay/rửa tay (cùng có tỉ lệ 72,6%). Ngoài ra, số sinh viên sử dụng khẩu trang N95 theo khuyến cáo khi học lâm sàng tại bệnh viện chiếm 67,0%. Có 54,7% sinh viên

hạn chế sử dụng thang máy chung khi ở bệnh viện. Sinh viên tuân thủ đúng thời gian đeo kính chống giọt bắn và không tụ tập nói chuyện dưới 2m chiếm tỷ lệ thấp dưới 50% (tương ứng là 47,1% và 41,5%).

Bảng 3.2. Thực hành về phòng chống COVID - 19 (n =106)

Thực hành	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thực hành rửa tay đúng theo khuyến cáo Bộ Y tế	106	100
Thực hành thường xuyên cập nhật thông tin kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa COVID - 19	101	95,3
Thực hành khai báo y tế hàng ngày theo qui định của bệnh viện	95	89,6
Thực hành đúng dinh dưỡng và nâng cao thể trạng (Dinh dưỡng và bổ sung vitamin C, súc họng nước muối hàng ngày, uống 1.5 - 2 lít nước/ngày, tập thể dục theo khuyến cáo hàng ngày)	91	85,6
Thực hành xử lý đúng khi tiếp xúc gần với ca F0/người ngờ F0 khi học lâm sàng (n=72)	55	76,4
Thực hành đeo kính chống giọt bắn	77	72,6
Thực hành đúng các thời điểm sát khuẩn tay/rửa tay	77	72,6
Thực hành đúng đeo khẩu trang theo khuyến cáo (N95)	71	67,0
Thực hành đúng về phân loại rác thải khi tiếp xúc với F0/người ngờ F0	95	64,2
Thực hành hạn chế sử dụng thang máy chung khi ở bệnh viện	58	54,7
Thực hành đúng về thời gian đeo kính chống giọt bắn	50	47,2
Thực hành đúng việc tuân thủ không tụ tập nói chuyện dưới 2m	44	41,5



Biểu đồ 1. Đánh giá kiến thức, thực hành chung về phòng chống COVID-19

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 106 đối tượng tham gia nghiên cứu sinh viên có kiến thức chưa đạt về kiến thức phòng, chống COVID-19 còn khá cao (57%), chỉ 43% sinh viên có kiến thức đạt. Có 62% sinh viên thực hành đạt, trong khi vẫn còn 38% chưa đạt về thực hành phòng, chống COVID-19.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành của sinh viên Điều dưỡng về phòng, chống COVID-19 khi học lâm sàng

Bảng 3.3. Yếu tố liên quan với kiến thức phòng ngừa COVID-19 của sinh viên

Kiến thức	Chưa đạt		Đạt		OR	95% CI	p
	n = 60 (%)	n = 46 (%)	n = 46 (%)	n = 46 (%)			
Các biến số							
Giới tính nam	15 (78,9)	4 (21,1)	4 (21,1)	4 (21,1)	3,5	1,08-	0,030
Giới tính nữ	45 (51,7)	42 (48,3)	42 (48,3)	42 (48,3)	0	11,39	
Tình trạng nhiễm của gia đình							
Đã có người mắc	54 (61,4)	34 (38,6)	34 (38,6)	34 (38,6)	3,1	1,09 - 9,26	0,029
Chưa ai mắc	06 (33,3)	12 (66,7)	12 (66,7)	12 (66,7)	8		
Tình trạng hỗ trợ chống dịch							
Không	55 (63,2)	32 (36,8)	32 (36,8)	32 (36,8)	4,8	1,59 - 14,6	0,003
Có	05 (26,3)	14 (73,7)	14 (73,7)	14 (73,7)	1		

Nhận xét: Kết quả ở bảng 3.3 cho thấy kiến thức chưa đạt ở sinh viên nam cao hơn so với sinh viên nữ. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Kiến thức chưa đạt của nhóm sinh viên ở gia đình đã có người mắc cao hơn nhóm sinh viên ở gia đình chưa có người mắc (OR:3,18; 95% CI: 1,09 - 9,26). Nhóm sinh viên không tham gia hỗ trợ chống dịch có kiến thức chưa đạt cao hơn so với nhóm sinh viên còn lại (95% CI: 1,59 - 14,6).

Bảng 3.4. Mối liên quan giữa thực hành phòng COVID - 19 với một số yếu tố (n=106)

Thực hành	Chưa đạt	Đạt			
Các biến số	Số lượng (%)	Số lượng (%)	OR	95% CI	p
Tình trạng nhiễm của gia đình					
Đã có người mắc	38 (43,2)	50 (56,8)	6,0	1,32-	0,022
Chưa ai mắc	02 (11,1)	16 (88,9)	8	28,06	
Yếu tố dịch tễ					
Không có gì đặc biệt	37 (42,5)	50 (57,5)	3,9	1,07-	0,030
Sống gần nhà người mắc	03 (15,8)	16 (84,2)	5	14,54	
Hỗ trợ chống dịch					
Không	38 (43,7)	49 (56,3)	6,5	1,43-	0,015
Có	02 (10,5)	17 (89,5)	9	30,30	
Năm học					
Năm tư	26 (51,0)	25 (49,0)	3,0	1,34 - 6,90	0,007
Năm ba	14 (25,5)	41 (74,5)	5		

Nhận xét: Mức độ thực hành không đạt của nhóm sinh viên mà trong gia đình đã có người mắc COVID - 19 cao hơn so với nhóm sinh viên mà gia đình chưa có ai mắc. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Mức độ thực hành không đạt của nhóm sinh viên không sống gần nhà có người mắc COVID-19 cao hơn so với nhóm sinh viên có yếu tố dịch tễ này (OR: 3,95; 95% CI: 1,07 - 14,54). Nhóm sinh viên chưa từng tham gia hỗ trợ chống dịch có mức độ thực hành không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên tham gia (OR: 6,59; 95% CI: 1,43 - 30,30).

So với nhóm sinh viên năm thứ ba thì nhóm sinh viên năm thứ tư có thực hành chưa đạt cao hơn. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

4. Bàn luận

4.1. Kiến thức và thực hành của sinh viên điều dưỡng về phòng ngừa COVID - 19 khi học lâm sàng tại bệnh viện

Kết quả của chúng tôi tại biểu đồ 1 cho thấy có 43% sinh viên có kiến thức đạt và 57% sinh viên kiến thức không đạt (Biểu đồ 1). Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Đào Thị Ngọc Huyền khảo sát sinh viên Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 43,1% có hiểu biết tốt [3]. Tuy nhiên kết quả này thấp hơn nhiều so với kết quả khảo sát của Vũ Thị Ánh (2020) với 94,03% sinh viên của Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội có kiến thức từ mức khá trở lên [2]. Sự khác biệt có thể do tiêu chuẩn đánh giá khác nhau giữa các nghiên cứu: Trong khi chúng tôi khảo sát sinh viên Điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ tư đang học lâm sàng tại bệnh viện và cho điểm

theo từng câu trả lời đúng thì tác giả Vũ Thị Ánh lại khảo sát toàn bộ sinh viên các chuyên ngành ở tất cả các năm học và cho điểm theo từng ý trả lời đúng.

Nghiên cứu của chúng tôi (biểu đồ 1) cũng cho thấy tỷ lệ sinh viên thực hành chung đạt 62%. Kết quả này gần tương đồng với với tỉ lệ 57% (n = 426) sinh viên thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa COVID - 19 của tác giả Ronald Olum và cộng sự (2020) [6]. Mặc dù tỷ lệ sinh viên có kiến thức chung đạt về phòng chống COVID - 19 thấp nhưng tỷ lệ sinh viên thực hành đạt lại cao hơn. Sự khác biệt này có thể do một phần khi đi thực hành lâm sàng các thầy/cô, nhân viên y tế luôn nhắc nhở tạo thói quen cho các bạn sinh viên; mặt khác, có thể do tâm lý sinh viên thích học thực hành hơn là việc ghi nhớ lý thuyết. Kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Ngọc Nga và cộng sự (2021) cũng cho thấy kiến thức của sinh viên ngành Y đa khoa - Trường Đại học Y dược Cần Thơ chưa được tốt nhưng thực hành phòng chống về COVID - 19 của đối tượng này lại đạt tỷ lệ đúng rất cao [4].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành của sinh viên điều dưỡng về phòng ngừa COVID-19 khi học lâm sàng tại bệnh viện trong thời gian đại dịch.

Yếu tố nhân khẩu học: Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức về COVID - 19 của sinh viên và giới tính (p <0,05). Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt ở

sinh viên nữ là 48,3%, sinh viên nam là 21,1% (Bảng 3.3). Tuy nhiên, kết quả của tác giả Đào Thị Ngọc Huyền tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh cho kết quả không có sự khác biệt giữa kiến thức của sinh viên nữ và sinh viên nam [3].

Tình trạng nhiễm COVID - 19 của gia đình: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tại bảng 3.3 và 3.4 đều cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành đối tượng nghiên cứu với tình trạng nhiễm COVID-19 của gia đình. Theo đó, những sinh viên ở gia đình có người mắc bệnh này có kiến thức và thực hành không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên ở gia đình chưa có người mắc - sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê, với p < 0,05. Do vậy, sinh viên không những cần trang bị cho bản thân mà còn phải trang bị cho các thành viên gia đình về kiến thức cũng như thực hành phòng chống COVID-19 tốt hơn nữa để bảo vệ gia đình và cộng đồng, đặc biệt không nên chủ quan, lơ là khi đã bị nhiễm bệnh rồi.

Tham gia hỗ trợ chống dịch: Kết quả của chúng tôi ở bảng 3.3 và bảng 3.4 còn cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu với sự tham gia phòng chống dịch COVID-19. Theo đó, nhóm sinh viên đã từng tham gia hỗ trợ chống dịch có kiến thức đạt và thực hành đạt cao hơn so với nhóm sinh viên chưa từng tham gia hỗ trợ chống dịch - sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, với p <

0,05. Có thể thấy, việc tham gia hỗ trợ chống dịch COVID - 19 đã giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng tốt hơn trong việc áp dụng thực hành có hiệu quả tại cộng đồng cũng như khi học lâm sàng tại bệnh viện.

Yếu tố năm học và yếu tố dịch tễ: Kết quả nghiên cứu tại bảng 3.4 cho thấy sinh viên năm thứ tư có mức độ thực hành không đạt cao hơn so với sinh viên năm thứ ba, với $p < 0,05$. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của Vũ Thị Ánh (2020) lại chỉ ra rằng sinh viên năm thứ 6 có tỷ lệ thực hành ở mức tốt đạt cao nhất [2]; nghiên cứu của Ronald Olum (2020) cũng cho thấy kết quả sinh viên năm cuối có mức độ thực hành tốt hơn sinh viên các năm còn lại [6]. Sự khác biệt này có thể đưa tới nhận xét rằng sinh viên năm thứ tư ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Thăng Long còn chú quan hơn so với sinh viên năm thứ ba trong cách phòng ngừa dịch bệnh COVID - 19 khi học lâm sàng tại bệnh viện.

– Ngoài ra, kết quả ở bảng 3.4 cũng cho thấy nhóm sinh viên sống gần nhà có người mắc COVID - 19 có mức độ thực hành đạt cao hơn so với nhóm sinh viên không có yếu tố dịch tễ này, với $p < 0,05$. Khi học lâm sàng tại bệnh viện, yếu tố dịch tễ của sinh viên cần được quan tâm hàng đầu. Nếu họ sống gần nhà có người mắc/tiếp xúc gần F0/ở khu vực có dịch COVID - 19 thì phải được cân nhắc kỹ trước khi trở lại bệnh viện thực hành lâm sàng.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt và thực hành đạt về phòng chống COVID - 19 lần lượt là 43% và 62%.

Nhóm sinh viên nam có kiến thức về phòng, chống dịch không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên nữ ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên ở gia đình đã có người mắc COVID - 19 có kiến thức và thực hành không đạt cao hơn so với sinh viên ở gia đình chưa có người mắc ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên năm thứ tư có tỷ lệ thực hành không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên năm thứ ba ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên đã tham gia hỗ trợ chống dịch có kiến thức đạt và thực hành đạt cao hơn so với nhóm sinh viên chưa tham gia ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên sống gần nhà có người mắc COVID-19 có tỷ lệ thực hành đạt cao hơn so với nhóm sinh viên có yếu tố dịch tễ này ($p < 0,05$).

6. Khuyến nghị

Sinh viên Điều dưỡng cần được cập nhật bổ sung kiến thức và duy trì các biện pháp thực hành phòng chống dịch COVID-19 để đạt được hiệu quả phòng chống dịch cao nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hoàng Hải và Triệu Công Doanh (2020). *Bệnh do virus CORONA 2019 (COVID-19)*. Bộ môn Truyền nhiễm, Đại học Y Dược Thái Bình.
- [2] Vũ Thị Ánh (2020). Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành của sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội về

- phòng chống dịch bệnh COVID - 19 năm 2020. Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- [3] Đào Thị Ngọc Huyền (2021). Kiến thức, thái độ về COVID - 19 của sinh viên y đa khoa năm thứ năm và năm thứ sáu tại Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Y học Thành Phố Hồ Chí Minh*. 25(1), tr.185-191.
- [4] Phạm Thị Ngọc Nga, Trần Trương Ngọc Bích, Đỗ Thị Cẩm Hồng và cộng sự (2022). Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống COVID-19 của sinh viên ngành y khoa trường đại học Y Dược Cần Thơ, 2021. *Tạp Chí Y học Việt Nam*. 511(1). Tr. 250-253.
- [5] Bộ Y tế (2022). Quyết định 250/QĐ-BYT Về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19.
- [6] Olum R, Kajjimu J, Kanyike AM and et al (2020). Perspective of Medical Students on the COVID - 19 Pandemic: Survey of Nine Medical Schools in Uganda. *JMIR Public Health Surveill*. 6(2), pp.187-194.